

Bản án số 60/2025/DS-PT

Ngày: 24-03-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông.

Bà Đào Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền
- Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 184/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2025/QĐPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 22^A/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Cẩm N.

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K.

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trương Sơn E.

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn B.

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Trương Sơn E là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Cẩm N do ông Nguyễn Văn K đại diện trình bày: Vào ngày 03/11/2017 bà Huỳnh Cẩm N có cho ông Trương Sơn E vay 100.000.000 đồng, có làm biên nhận, thỏa thuận miệng thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất 2%/tháng. Nhưng đến hạn vay ông Sơn E không trả. Ngày 24/6/2021, ông Trương Sơn E có làm cam kết mỗi tháng trả cho bà N 5.000.000 đồng cho đến khi hết 100.000.000 đồng, thời gian bắt đầu từ ngày 15/7/2021 nhưng cũng không thực hiện. Nay bà Huỳnh Cẩm N yêu cầu ông Trương Sơn E trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 15/7/2021 đến nay với lãi suất 20%/năm. Số tiền tạm tính là 60.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn K đại diện cho nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông Trương Sơn E phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Cẩm N số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 15/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Sơn E trình bày: Vào ngày 03/11/2017, ông có vay của bà Huỳnh Cẩm N số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 9.000.000 đồng/tháng, ông có viết biên nhận cho bà N. Quá trình vay ông đã trả lãi cho bà N đến tháng 11/2018 thì ngưng trả lãi. Đến cuối năm 2018, ông có trả cho bà N 30.000.000 đồng tiền gốc, không có ký nhận với nhau. Đến ngày 24/6/2021, ông Huỳnh Văn B là cha của bà N ép buộc ông phải viết tờ cam kết mỗi tháng trả cho bà N 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi viết cam kết ông có trả cho bà N thông qua ông Huỳnh Văn B số tiền 64.500.000 đồng và những lần trả 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng. Tổng cộng ông đã trả đủ cho bà N số tiền 100.000.000 đồng. Nay ông không còn nợ tiền bà N. Đối với các chứng từ ông trả tiền cho bà N hiện đã thất lạc, không còn giữ. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Cẩm N do ông đã trả hết nợ cho bà N.

Tại bản án sơ thẩm số 184/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trương Sơn E phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Cẩm N số tiền vay còn nợ tổng cộng là 131.123.287 (một trăm ba mươi một triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy) đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; tiền nợ lãi là 31.123.287 (ba mươi một triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, bị đơn ông Trương Sơn E có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên kháng cáo, bị đơn cho rằng có nợ của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 03/11/2017, nhưng đã trả nợ gốc cho nguyên đơn, chỉ còn nợ lại khoảng 10.000.000 đồng, lãi đã trả được 10 tháng với số tiền 99.000.000 đồng, nhưng các biên nhận đã bị thất lạc, số tiền 19.500.000 đồng do ông B là cha của nguyên đơn nhận thay năm 2020 là bị đơn trả tiền gốc cho nguyên đơn.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn cho rằng từ lúc vay năm 2017 đến năm 2020 bị đơn có trả cho nguyên đơn 19.500.000 đồng tiền lãi, đến năm 2021 bị đơn viết cam kết lại mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận miệng lãi xuất 2%/tháng và thỏa thuận thời hạn vay là 3 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm, theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, cản trừ số tiền 19.500.000 đồng bị đơn đã trả vào tiền gốc, còn lại buộc bị đơn trả lãi cho nguyên đơn từ 15/11/2021 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Đối với kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn ông Trương Sơn E thừa nhận có vay của nguyên đơn bà Huỳnh Cẩm N số tiền 100.000.000 đồng, có làm biên nhận, không xác định thời hạn trả và không thể hiện lãi suất. Tuy nhiên, bị đơn và nguyên đơn đều trình bày đây là khoản vay có lãi, do các bên không thống nhất được lãi suất, nên cấp sơ thẩm xác định mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 là 10%/năm là có căn cứ đúng quy định.

Theo biên nhận ngày 03/11/2017, bị đơn ông Trương Sơn E vay của nguyên đơn bà N 100.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cho rằng đã trả lãi được cho nguyên đơn số tiền 99.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được các biên nhận trả tiền và không được nguyên đơn thừa nhận, ngược lại ông B là cha ruột của nguyên đơn thừa nhận có nhận thay tiền lãi do bị đơn đưa vào các ngày 11/5/2020 và 30/5/2020 với số tiền 19.500.000 đồng, đến ngày 24/6/2021 bị đơn tự viết cam kết trả mỗi tháng 5.000.000 đồng trên số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, thời gian trả tính từ ngày 15/7/2021, như vậy Hội đồng xét xử xét thấy số tiền 19.500.000 đồng là tiền lãi bị đơn trả cho nguyên đơn trước khi viết lại cam kết trả nợ không phải là trả tiền gốc, nếu trả gốc thì khi viết lại cam kết trả nợ bị đơn phải trừ đi số tiền đã trả. Do vậy, bị đơn cho rằng đây là số tiền trả gốc là không có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định tính từ ngày 15/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định.

Bị đơn không cung cấp được các biên nhận thể hiện đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền 193.500.000 đồng như đơn kháng cáo của bị đơn. Nên cấp sơ thẩm

buộc bị đơn trả số tiền gốc và lãi tính từ ngày 15/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 131.123.287 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo.

Từ những căn cứ trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Trương Sơn E phải chịu theo quy định là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001058 ngày 06/9/2024 của Chi cục THADS thành phố V thành án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, 466, 468 và Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Sơn E. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Cẩm N.

1. Buộc ông Trương Sơn E phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Cẩm N số tiền vay còn nợ tổng cộng là 131.123.287 (Một trăm ba mươi một triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy) đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; tiền nợ lãi là 31.123.287 (Ba mươi một triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trương Sơn E phải chịu 6.556.164 (Sáu triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn) đồng. Bà Huỳnh Cẩm N được nhận lại 4.000.000 (Bốn triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000910 ngày 12/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Trương Sơn E phải chịu theo quy định là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001058 ngày 06/9/2024 của Chi cục THADS thành phố V thành án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều

7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 24 tháng 3 năm 2025.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn L – Đào Thị T

Trịnh Thị Bích H